7. **感動の千**円

JR富山駅前交番のお巡りさんが今年ニガラ、財布を落として帰る金がない 老夫婦に九千円貸したところ、二度にわたって返却の書留が届いた。



当人がつには「収入がないので待ってください」という手紙が来たが、 うくがつに五千円、七月に五千円返してきた。多すぎる千円は「たばこでも」とあったが、交番ではそれはできないので、間じような貸し出し の資金の一部にすることにした。交番で借りても「返す人は半数」と いう今日このごろ、お巡りさんには感動の「千円」だった。

単語リスト:

感動の(かんどうの) Ấn
tượng, cảm động
JR(ジェイアール) Đường sắt
Nhật Bản
昌山駅前(とやまえきまえ)
Phía trước nhà ga Toyama
交番(こうばん) Đồn cảnh sát
お巡りさん (おまわりさ
ん) Cảnh sát
今年(ことし) Năm nay
財布(さいふ) Cái ví

帰る(かえる) Về nhà 金(かね) Tiền 老夫婦(ろうふうふ) Đôi vợ chồng già 貸した(かした) Cho mượn, cho vay 二度にわたって(にどにわたっ て) Trong hơn hai lần 返却(へんきゃく) Trả lại, hoàn lại 書留(かきとめ) Thư bảo đảm 手紙(てがみ) Bức thư 返してきた(かえしてきた) Trả lại, trở lại 多すぎる(おおすぎる) Nhiều thêm 同じような(おなじような) Tương tư

貸し出し(かしだし) Sự cho vay, cho mượn

資金(しきん) Tiền vốn, vốn lưu động

一部(いちぶ) Một phần

làm mất

落として(おとして) Đánh rơi, 届いた(とどいた) Được giao đến 収入(しゅうにゅう) Thu nhập 待って(まって) Chờ, đợi

借りても(かりても) Khi vay, mượn 半数(はんすう) Một nửa